

Bản án số: 78/2022/HC-PT

Ngày: 25/3/2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long và ông Trương Công Thi

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 299/2021/TLPT-HC ngày 14 tháng 10 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Do Bản án hành chính số 12/2017/HC-ST, ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa có kháng cáo; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Đỗ Thế L; địa chỉ cư trú: số 25 đường 16/7, tổ dân phố 16, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đình H; địa chỉ: Khánh Hòa (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2017). Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Nguyễn Minh T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 740/GUQ-UBND ngày 01/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa). Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Nguyễn Sơn

V, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N; Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thị G. Có mặt.

3.2. Chị Đỗ Ngọc B. Vắng.

3.3. Chị Đỗ Thùy D. Vắng.

Cùng địa chỉ: số 25 đường 16/7, tổ dân phố 16, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;

3.4. Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường N: ông Nguyễn Văn L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N. Vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Đỗ Thế L và người đại diện hợp pháp của ông L trình bày:

Năm 1990, ông Đỗ Thế L (L) được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N bán cho một căn nhà do Xí nghiệp xây dựng N xây dựng tại Khu quy hoạch dân cư đội 4 thị trấn N. Khi được nhận bàn giao nhà, gia đình ông L đã rào khuôn viên đất theo ranh giới được chỉ dẫn với diện tích 336m² đất. Ngày 10/11/1997, hộ ông L được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu (GCNQSH) nhà ở và quyền sử dụng (QSD) đất ở số 410301 với diện tích đất là 150m². Sau khi chuyển nhượng một phần thửa đất, hộ ông L tiếp tục sử dụng phần diện tích đất còn lại là 193m², nhưng chỉ được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp GCNQSH nhà và QSD đất ở số 5110501 ngày 06/6/2002 với diện tích 75m².

Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên - Môi trường Khánh Hòa thiết lập tháng 6/2010 để phục vụ công tác đền bù, giải tỏa công trình nâng cấp mở rộng đường 16/7 thì thửa đất hộ ông L sử dụng là thửa số 46, tờ số 03, diện tích đất 193m²; trong đó: Diện tích dự án là 32,4m² và diện tích còn lại là 160,6m².

Ngày 30/3/2011, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 934/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường 16-7 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 934) với nội dung: “*Thu hồi 32,4 m² đất thuộc thửa số 70 tờ số 16 bản đồ địa chính phường N đối với người đang sử dụng là ông Đỗ Thế L; vị trí ranh giới khu đất thu hồi cụ thể được xác định theo thửa số 46 tờ số 3/TĐBĐ Bản đồ trích đo địa chính khu đất*”.

Ngày 16/5/2011, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 1500/QĐ- UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đỗ Thế L khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1500) với nội dung: “*Phê duyệt kinh phí bồi thường vật kiến trúc trên đất thu hồi và hỗ trợ lệ phí điều chỉnh QSD đất*”.

là 18.215.015đ” nhưng không bồi thường về đất cho hộ ông L.

Ngày 22/6/2014, ông Đỗ Thế L có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND thị xã N yêu cầu xem xét việc bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông. Ngày 12/6/2015, Chủ tịch UBND thị xã N có Văn bản số 1774/UBND về việc trả lời đơn của ông Đỗ Thế L (sau đây gọi tắt là Văn bản số 1774) với nội dung: “*Diện tích 32,4m² nằm trong phần đất hành lang đường do nhà nước quản lý theo như giấy chứng nhận của ông nên không được bồi thường về đất*”.

Ông L cho rằng: UBND thị xã N ban hành Quyết định số 934 thu hồi 32,4 m² trong số 193 m² đất; trên đất thu hồi có quán cột kèo gỗ, vách ván, mái lợp ngói, nền xi măng nhưng Quyết định số 934 không xác định đất bị thu hồi là đất ở mà lại xác định là đất nông nghiệp và không bồi thường về đất cho hộ ông là không đúng. Do đó, ông L yêu cầu hủy Quyết định số 934, Quyết định số 1500 (về nội dung không phê duyệt bồi thường về đất), Văn bản số 1774 và yêu cầu được bồi thường thiệt hại do các quyết định trên gây ra với tổng số tiền là 43.179.840 đồng (Cụ thể là: Bồi thường về sân nền lát gạch thẻ được ông L thực hiện 02 lần với số tiền 148.000 đ/m² x 32,4 m² x 02 = 9.483.840 đồng; chi phí tháo dỡ gạch nền 40.000 đ/m² x 32,4 m² = 1.296.000 đồng; tiền đất theo bảng giá đất ở của UBND tỉnh Khánh Hòa tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 là 1.000.000 đ/m² x 32,4 m² = 32.400.000 đồng).

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng cùng với người khởi kiện là bà Ngô Thị G (vợ ông L), chị Đỗ Ngọc B và chị Đỗ Thùy D (các con ông L) nhất trí với ý kiến của người khởi kiện và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Ngoài ra, bà Ngô Thị G trình bày: Diện tích đất của hộ gia đình bà bị thu hồi theo Quyết định số 934 nằm ngoài diện tích đất được ghi trong GCNQSD đất nhưng gia đình bà đã sử dụng ổn định từ trước khi có Luật Đất đai năm 1993 đến nay nhưng không được bồi thường là không đúng pháp luật.*

- Tại Văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình tố tụng, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Thực hiện Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 10/02/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường 16/7 huyện N (nay là thị xã N), ngày 26/7/2010 UBND huyện N đã ban hành Thông báo số 102/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình. Sau khi tiến hành đo đạc hiện trạng từng thửa đất và kiểm kê khối lượng vật kiến trúc có trên đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cần phải giải tỏa để thực hiện dự án, UBND thị xã N đã ban hành Quyết định số 934, Quyết định số 1500 và đã chi trả bồi thường cho hộ ông Đỗ Thế L số tiền bồi thường vật kiến trúc trên đất thu hồi là 18.251.015 đồng; ông L đã nhận đủ số tiền này.

Đối với phần diện tích 32,4 m² đất thu hồi của hộ ông L, trên đất ông L có dựng quán nhưng là đất quy hoạch giao thông nên theo quy định thì khi nhà nước chưa thu hồi đất, người dân được sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm, do

đó Quyết định số 934 đã xác định đất thu hồi là đất nông nghiệp. Tuy nhiên, đất thu hồi là đất do Nhà nước quản lý nên hộ ông L không đủ điều kiện để được bồi thường. Vì vậy, Quyết định số 1500 đã không phê duyệt bồi thường về đất đối với diện tích đất này cho hộ ông L.

Sau khi ông L có đơn kiến nghị yêu cầu được bồi thường về đất, xác minh diện tích đất thu hồi, UBND thị xã N đã tiến hành xác minh, kiểm tra lại và xác định phần đất hộ ông L bị thu hồi nằm trong phạm vi cách tim đường 16/7 là 13 m; đối chiếu với GCNQSH nhà và QSD đất cấp cho hộ ông L thì vị trí đất hộ ông L được công nhận QSD cách tim đường là 15 m. Do vậy, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Văn bản 1774 trả lời ông L với nội dung yêu cầu của ông là không có cơ sở. UBND thị xã N giữ nguyên các quyết định và văn bản trả lời đơn đã ban hành.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường N, thị xã N trình bày:

Theo sổ dã ngoại năm 1994, hộ ông L sử dụng diện tích đất 336 m², trong đó có một phần diện tích đất thuộc quy hoạch giao thông từ trước khi hộ ông L sử dụng đất. Vì vậy, năm 1997 khi hộ ông L được cấp GCNQSH nhà và QSD đất thì hộ ông L chỉ được cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất 150 m². Sau đó, ông L đã chuyển nhượng một phần đất cho người khác nên diện tích đất ghi trong GCNQSH nhà và QSD đất cấp cho hộ ông L năm 2002 chỉ còn 75 m². Phần đất 32,4 m² bị thu hồi nằm trong phần đất hộ ông L sử dụng trên thực tế, nhưng thuộc đất quy hoạch giao thông từ trước thời điểm hộ ông L sử dụng đất nên không được công nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án hành chính số: 12/2017/HC-ST, ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ; Điều 24, Điều 6, Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

1.1. Bác yêu cầu của ông Đỗ Thế L về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường 16-7, phường N, thị xã N; Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 16/5/2011 của UBND thị xã N về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Đỗ Thế L khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường 16-7, phường N, thị xã N; Văn bản số 1774/UBND ngày 12/6/2015 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc trả lời đơn của ông Đỗ Thế L đối với yêu cầu bồi thường về đất bị thu hồi bởi dự án Nâng cấp, mở rộng đường 16-7, phường N, thị xã N.

1.2 Bác yêu cầu của ông Đỗ Thế L về việc đòi bồi thường thiệt hại số tiền 43.179.840 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền

kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22/8/2017, người khởi kiện ông Đỗ Thế L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị G có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện và miễn án phí cho ông L.

- Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 50/2018/HC-PT ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Thế L và bà Ngô Thị G, sửa án sơ thẩm.

- Tại Quyết định giám đốc thẩm số 19/2021/HC-GĐT ngày 07/7/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 50/2018/HC-PT ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Thế L và bà Ngô Thị G, sửa án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Đỗ Thế L và bà Ngô Thị G, nhận thấy:

[1.1] Theo Biên bản nghiệm thu xây dựng nhà ở số 26/XN NT ngày 02/5/1990 giữa ông Nguyễn Thế Luân (L) và Xí nghiệp xây dựng N, thể hiện công trình nhà ở của ông L có diện tích 38,48m², không thể hiện diện tích đất ở.

[1.2] Tại Sổ dã ngoại và bản đồ địa chính năm 1994 thể hiện hộ ông L sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 14, diện tích 336m², nhưng tại “Sơ đồ quy hoạch khu dân cư” kèm theo Tờ trình số 98/UB ngày 14/5/1997 của UBND huyện N, V/v xin hợp thức hóa nhà ở cho CBCNV tại không số, Đội 4, thị trấn N; trong đó có hộ ông Nguyễn Thế L thể hiện “Viên gia mỗi hộ 10 x 15= 150m²” được đề nghị hợp thức hóa ngôi nhà và thu tiền sử dụng đất trên diện tích 150m².

[1.3] Tại Thông báo Thuế ngày 29/4/1993 về nộp thuế năm 1992 của Chi cục thuế N cũng thể hiện diện tích nộp thuế của ông L là 150m².

[1.4] Năm 1997, hộ gia đình ông L được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp GCNQSD đất ở với diện tích 150m²; phần còn lại của thửa đất thuộc phạm vi hành lang đường bộ. Khi được cấp giấy chứng nhận, gia đình ông L không khiếu nại gì về diện tích đất ở được cấp.

[1.5] Phần diện tích đất 32,4m² mà gia đình ông L bị thu hồi, gia đình ông L có xây dựng lều quán để sử dụng, nhưng việc xây dựng lều quán của ông L sau thời điểm Nghị định số 203/HĐBT ngày 07/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ có hiệu lực, nên hộ ông L không được bồi thường về giá trị đất là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[1.6] Phần đất ông L đang sử dụng bị thu hồi là đất thuộc hành lang an toàn đường bộ, nên phải được xác định là đất sử dụng vào mục đích công cộng, nhưng tại Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 của UBND huyện N xác định là đất nông nghiệp là không phù hợp với quy định của Luật đất đai. Tuy nhiên, hộ ông L không đủ điều kiện để được bồi thường, nên sai sót này không gây thiệt hại cho hộ ông L cũng như của nhà nước, nên không cần thiết phải hủy Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 của UBND huyện N như án sơ thẩm đã nhận định là có cơ sở.

Ông Đỗ Thế L và bà Ngô Thị G kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hành chính: Xét thấy ông Nguyễn Thế L là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

- Về án phí dân sự: Theo quy định tại Điều 64 Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2009, thì trường hợp ông L yêu cầu bồi thường thiệt hại không phải chịu án phí. Do đó cần chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo này của ông L, bà G; sửa án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông ông L, bà G không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

4. G quyết hậu quả thi hành án: Hoàn trả cho UBND thị xã N 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp (theo xác nhận của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa tại Công văn số 2085/CTHADS-GQKNTC ngày 01/12/2021).

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Thế L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị G; sửa một phần án sơ thẩm về phần án phí.

Áp dụng Điều 42 Luật đất đai năm 2003; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ; Điều 64 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; Tuyên xử:

- Bác yêu cầu của ông Đỗ Thế L về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường 16-7, phường N, thị xã N; Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 16/5/2011 của UBND thị xã N về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Đỗ Thế L khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường 16-7, phường N, thị xã N; Văn bản số 1774/UBND ngày 12/6/2015 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc trả lời đơn của ông Đỗ Thế L đối với yêu cầu bồi thường về đất bị thu hồi bởi dự án Nâng cấp, mở rộng đường 16-7, phường N, thị xã N.

- Bác yêu cầu của ông Đỗ Thế L về việc đòi bồi thường thiệt hại số tiền 43.179.840 đồng.

2. Về giải quyết hậu quả thi hành án: Hoàn trả cho UBND thị xã N 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp (theo xác nhận của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa tại Công văn số 2085/CTHADS-GQKNTC ngày 01/12/2021).

3. Án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Thế L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; miễn án phí hành chính sơ thẩm đối với ông L.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đỗ Thế L và bà Ngô Thị G không phải án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Ngô Thị G tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000295 ngày 30/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (đã hoàn trả theo xác nhận của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa tại Công văn số 2085/CTHADS-GQKNTC ngày 01/12/2021).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào